TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2017
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà LÊ NGỌC TRÂM

2/ Ông ĐỖ THÀNH NGỌC

- Thư ký phiên tòa: Bà PHẠM THỊ HỒNG NHUNG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **BÙI THỊ MINH T**, sinh năm 1976 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà B, Hẻm số A, Quốc Lộ 22B, ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh **PHẠM QUỐC H**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà B, Hẻm số B, Quốc Lộ 22B, ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2017 và lời khai của chị Bùi Thị Minh T trình bày như sau:

Chị T và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới vợ chồng sống chung nhà của cha mẹ anh H, đến năm 2014 vợ chồng xây nhà ở riêng cho đến nay. Trong thời gian chung sống do anh H không lo làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, mọi chi phí

sinh hoạt trong gia đình một mình chị T lo, chị T có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không sửa đổi, xét thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 người con chung: Phạm Quốc V, sinh ngày 03/5/1994 đã có vợ con và Bùi Thị Khánh M, sinh ngày 16/6/2002 đang sống chung với anh chị. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu V đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có phần đất diện tích ngang 05m x dài 19m tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh do vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà xây tường trên phần đất này, nguồn gốc nhà đất do cha mẹ chị T cho và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Chị T không tranh chấp tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhà đất để lại cho con.

Về nợ chung: Không có, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Anh Phạm Quốc H trình bày:***

Anh và chị T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Từ sau khi cưới đến năm 2015 vợ chồng không có mâu thuẫn gì, sau khi vợ chồng xây nhà ở riêng không biết vì lý do gì mà chị T thường xuyên đòi ly hôn, trong thời gian chung sống thỉnh thoảng anh có uống rượu với bạn bè, về nhà anh không đánh đập vợ con, không đập phá đồ đạc hay quậy phá xóm làng, nhưng do chị T không thích nên vợ chồng ít nói chuyện với nhau, tình cảm vợ chồng nhợt nhạt, anh làm được tiền ít nên chị T không hài lòng. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con đúng như chị T trình bày, anh đồng ý giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nếu chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh sẽ tự lo cho con theo khả năng của mình. Riêng cháu V đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Có nhà đất đúng như chị T trình bày, nguồn gốc do em vợ cho, vợ chồng chỉ bỏ ra ít tiền để phụ khi xây nhà. Nhà đất để lại cho 02 con, anh H không tranh chấp tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt có lý do; anh H vẫn giữ nguyên ý kiến, không bổ sung hay thay đổi gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị T và anh H là vợ chồng; về con chung: giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản do chị T và anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Minh T và anh Phạm Quốc H chung sống từ năm 1993 không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, việc chung sống của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Nguyện vọng của cháu M muốn sống chung với chị T, xét thấy phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của chị T nên cần giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu V đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố không công nhận chị Bùi Thị Minh T và anh Phạm Quốc H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao chị Bùi Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Bùi Thị Khánh M, sinh ngày 16/6/2002, ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Riêng Phạm Quốc V, sinh ngày 03/5/1994 đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004522 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho anh Phạm Quốc H biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Bùi Thị Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Duyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).